CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

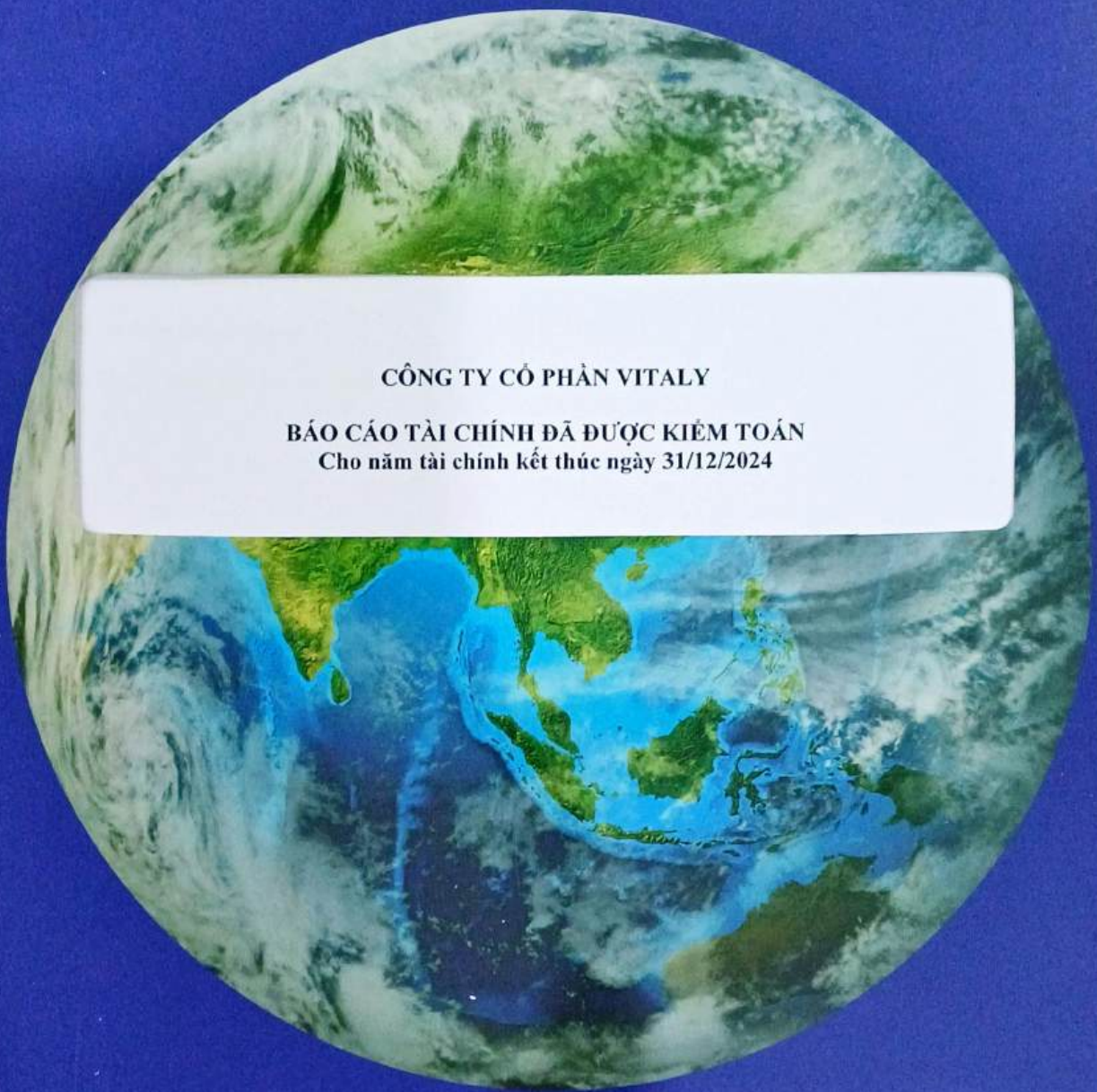

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
Ký ngày: 17/3/2025 09:36:10

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bình Dương - Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần VITALY trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty Cổ phần VITALY (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/6/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 18/6/2024 là: 80.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).*

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập Trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Cao Trường Thụ	Nguyên Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 12/3/2024)
Ông Phạm Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bầu thông qua từ ngày 14/3/2024)
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên (Bầu thông qua từ ngày 12/3/2024, miễn nhiệm ngày 07/6/2024)
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11/4/2024)
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hà Trang	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 11/4/2024)
Ban Kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Thắm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 07/6/2024)
Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 07/6/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06/3/2024)
Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 06/3/2024)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 09/7/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Phạm Việt Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CPAVIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 99/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VITALY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VITALY, được lập ngày 10/3/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vitaly tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 47.054.994.209 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 34.987.921.159 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 với số tiền là 85.127.527.792 VND. Ngoài ra, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất từ tháng 11 năm 2024 cho đến tháng 02 năm 2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HDQT ngày 27/11/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào quyết định của các cổ đông lớn hiện thời của Công ty và kế hoạch tái cơ cấu của Công ty theo yêu cầu từ Hội đồng Quản trị của Công ty. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Bùi Thị Thuý
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**62.160.038.450**	**104.460.767.688**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**5.125.413.559**	**2.718.888.195**
1. Tiền	111		5.125.413.559	2.718.888.195
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.227.881.440**	**8.523.902.227**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.709.978.050	8.522.112.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		755.320.009	750.030.109
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		589.422.001	-
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.3	(826.838.620)	(748.240.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.4**	**53.891.198.181**	**92.731.733.904**
1. Hàng tồn kho	141		73.733.281.972	99.800.478.067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.842.083.791)	(7.068.744.163)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**915.545.270**	**486.243.362**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	296.244.118	420.296.386
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	619.301.152	65.946.976
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		**53.786.274.237**	**69.518.866.194**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**40.167.416.558**	**55.027.431.007**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	40.167.416.558	55.027.431.007
- *Nguyên giá*	*222*		*236.766.856.717*	*317.245.455.875*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(196.599.440.159)*	*(262.218.024.868)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.7**	**2.139.397.972**	**2.880.050.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.880.000.000	2.880.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000	50.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(740.652.028)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**11.479.459.707**	**11.611.385.187**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	2.549.715.681	4.016.077.726
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.8	8.929.744.026	7.595.307.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**115.946.312.687**	**173.979.633.882**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**110.291.640.479**	**133.909.539.883**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**109.215.032.479**	**132.578.115.883**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	47.724.532.842	62.066.388.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		658.443.164	612.696.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.325.496.567	135.876.943
4. Phải trả người lao động	314		1.277.331.076	1.495.302.706
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	3.866.842.493	6.178.232.664
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	11.120.601.401	10.735.467.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	43.232.449.526	51.344.816.824
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.335.410	9.335.410
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.076.608.000**	**1.331.424.000**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.076.608.000	1.331.424.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**5.654.672.208**	**40.070.093.999**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.14**	**5.654.672.208**	**40.070.093.999**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*80.000.000.000*	*80.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.200.000	782.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(85.127.527.792)	(50.712.106.001)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	*421a*		*(50.712.106.001)*	*(22.170.545.044)*
- LNST chưa phân phối kì này	*421b*		*(34.415.421.791)*	*(28.541.560.957)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**115.946.312.687**	**173.979.633.882**

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hợi	Phạm Thị Quế	Trần Hoàng Thắm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**92.242.383.149**	**152.981.442.010**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	153.026.810	615.875.095
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**	**6.3**	**92.089.356.339**	**152.365.566.915**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.4	114.351.281.179	163.028.548.161
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(22.261.924.840)**	**(10.662.981.246)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	237.686.644	86.456.360
7.	Chi phí tài chính	22	6.6	3.287.484.250	3.358.468.922
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.535.603.287*	*3.217.666.023*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.7	4.638.879.297	6.882.950.055
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.539.615.372	7.485.153.045
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(38.490.217.115)**	**(28.303.096.908)**
11.	Thu nhập khác	31	6.8	9.696.348.441	2.403.728
12.	Chi phí khác	32	6.8	6.194.052.485	240.867.777
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.8**	**3.502.295.956**	**(238.464.049)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(34.987.921.159)**	**(28.541.560.957)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	(572.499.368)	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(34.415.421.791)**	**(28.541.560.957)**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.11**	**(4.302)**	**(3.568)**

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hợi	Phạm Thị Quế	Trần Hoàng Thẩm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***(34.987.921.159)***	***(28.541.560.957)***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.059.726.904	12.438.893.590
	- Các khoản dự phòng	03		13.592.590.276	1.061.220.733
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		130.787.032	135.200.109
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		3.611.687.801	(1.661.264)
	- Chi phí lãi vay	06		2.535.603.287	3.217.666.023
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(5.057.525.859)***	***(11.690.241.766)***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.690.067.911	3.138.179.268
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.732.759.530	24.595.115.711
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.402.370.693)	(12.404.049.565)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.590.414.313	(622.393.061)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.535.603.287)	(2.706.942.589)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***12.017.741.915***	***309.667.998***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.245.081.481)	-
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.155.941	1.661.264
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.243.925.540)***	***1.661.264***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		79.070.652.525	94.755.085.260
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(87.437.835.823)	(94.232.143.868)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(8.367.183.298)***	***522.941.392***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**2.406.633.077**	**834.270.654**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**2.718.888.195**	**1.896.902.763**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	*61*		*(107.713)*	*(12.285.222)*
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**5.1**	**5.125.413.559**	**2.718.888.195**

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hợi	Phạm Thị Quế	Trần Hoàng Thẩm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty Cổ phần VITALY được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/6/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 18/6/2024 là: 80.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 30 người (tại ngày 31/12/2023 là 155 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nghành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo quy hoạch);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản);
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2024 là sản xuất và kinh doanh gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	36%	36%	36%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 47.054.994.209 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 34.987.921.159 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 85.127.527.792 VND. Ngoài ra, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất từ tháng 11 năm 2024 cho đến tháng 02 năm 2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HDQT ngày 27/11/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào quyết định của các Cổ đông lớn hiện thời của Công ty bao gồm: Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP, Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam, Công ty CP Gạch men Thanh Thanh, và kế hoạch tái cơ cấu của Công ty theo yêu cầu từ Hội đồng quản trị của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cơ cấu triệt để, tiết giảm nhân sự với số lượng lớn.
- Đưa ra nhiều chính sách nhằm bán hàng tồn kho, thu hồi dòng tiền.
- Tích cực làm việc với các khách hàng để thu hồi các khoản công nợ phải thu đến hạn.
- Thanh lý dây truyền sản xuất gạch số 1 và số 2 để thu hồi vốn do các dây truyền này đã quá cũ và càng sản xuất sẽ càng bị lỗ thêm.
- Tăng khai thác hết công suất nhà máy sản xuất gạch các dây chuyền 3, 4, 5 còn lại để đảm bảo cung ứng cho thị trường tiêu thụ.

Ban Điều hành Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (nếu có).

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Dụng cụ quản lý	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và các đơn vị cho Công ty vay vốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	5.841.285	59.342.394
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.119.572.274	2.659.545.801
Tổng	**5.125.413.559**	**2.718.888.195**

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Việt Nhật	375.400.463	750.770.830
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	285.403.112	6.581.306.265
Công ty TNHH Dịch vụ - Xây dựng - Thương mại Ngọc Bích	178.301.337	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đại Vương Thành	167.147.559	-
Các khoản phải thu khác	703.725.579	1.190.035.023
Tổng	**1.709.978.050**	**8.522.112.118**
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***285.403.112***	***6.581.306.265***

5.3 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	Trên 3 năm	548.240.000	(548.240.000)	-	Trên 3 năm	548.240.000	(548.240.000)	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Dát	Trên 3 năm	100.000.000	(100.000.000)	-	Trên 3 năm	100.000.000	(100.000.000)	-
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	Trên 3 năm	100.000.000	(100.000.000)	-	Trên 3 năm	100.000.000	(100.000.000)	-
Công ty TNHH TM DV Tuấn Phượng	Trên 3 năm	38.007.157	(38.007.157)	-		-	-	-
Công ty TNHH MTV Vạn Đức Gia	Trên 3 năm	40.591.463	(40.591.463)	-		-	-	-
Tổng	**-**	**826.838.620**	**(826.838.620)**	**-**		**748.240.000**	**(748.240.000)**	**-**

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.638.811.105	-	10.514.463.135	-
Công cụ, dụng cụ	2.467.482.896	-	2.414.906.074	-
Thành phẩm	62.626.987.971	(19.842.083.791)	86.871.108.858	(7.068.744.163)
Tổng	**73.733.281.972**	**(19.842.083.791)**	**99.800.478.067**	**(7.068.744.163)**

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**296.244.118**	**420.296.386**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	143.424.006	63.585.677
Bảo hiểm	-	6.632.120
Phí dịch vụ sửa chữa	152.820.112	347.578.589
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	2.500.000
b) Dài hạn	**2.549.715.681**	**4.016.077.726**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.263.833.061	3.899.809.141
Các chi phí trả trước dài hạn khác	285.882.620	116.268.585
Tổng	**2.845.959.799**	**4.436.374.112**

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	**81.660.425.483**	**229.700.209.211**	**5.821.142.999**	**63.678.182**	**317.245.455.875**
Tăng trong năm	**-**	**263.600.000**	**981.481.481**	**-**	**1.245.081.481**
Mua trong năm	-	263.600.000	981.481.481	-	1.245.081.481
Giảm trong năm	**26.085.024.117**	**55.638.656.522**	**-**	**-**	**81.723.680.639**
Thanh lý nhượng bán (i)	14.297.034.194	55.638.656.522	-	-	69.935.690.716
Do hủy bỏ (ii)	11.787.989.923	-	-	-	11.787.989.923
Số dư tại 31/12/2024	**55.575.401.366**	**174.325.152.689**	**6.802.624.480**	**63.678.182**	**236.766.856.717**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	**53.904.084.064**	**203.033.545.600**	**5.216.717.022**	**63.678.182**	**262.218.024.868**
Tăng trong năm	**3.253.356.841**	**6.483.989.747**	**322.380.316**	**-**	**10.059.726.904**
Khấu hao trong năm	3.253.356.841	6.483.989.747	322.380.316	-	10.059.726.904
Giảm trong năm	**20.402.375.414**	**55.275.936.199**	**-**	**-**	**75.678.311.613**
Thanh lý nhượng bán (i)	11.080.201.530	55.275.936.199	-	-	66.356.137.729
Do Hủy bỏ (ii)	9.322.173.884	-	-	-	9.322.173.884
Số dư tại 31/12/2024	**36.755.065.491**	**154.241.599.148**	**5.539.097.338**	**63.678.182**	**196.599.440.159**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	**27.756.341.419**	**26.666.663.611**	**604.425.977**	**-**	**55.027.431.007**
Tại ngày 31/12/2024	**18.820.335.875**	**20.083.553.541**	**1.263.527.142**	**-**	**40.167.416.558**

5.6 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Công ty thanh lý toàn bộ máy móc thiết bị là dây chuyền sản xuất số 1 và số 2 theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐQT ngày 07/11/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii) Công ty hủy bỏ các tài sản là máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất số 1 và số 2 nhưng không thể bán được theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐQT ngày 08/01/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 147.490.709.971 VND (tại ngày 01/01/2024 là 172.849.922.472 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 39.728.036.581 VND (tại ngày 01/01/2024 là 30.798.179.160 VND).

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2024			01/01/2024		
Đối tượng đầu tư	**Vốn nắm giữ (%)**	**Quyền biểu quyết (%)**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**2.880.000.000**		**(740.652.028)**	**2.880.000.000**		**-**
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 (i)	36%	36%	2.880.000.000		(740.652.028)	2.880.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác			**50.000**	**215.750**	**-**	**50.000**	**244.750**	**-**
Công ty Cổ phần Đá Hóa An (ii)			50.000	215.750	-	50.000	244.750	-
Tổng			**2.880.050.000**	**215.750**	**(740.652.028)**	**2.880.050.000**		**-**

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá Hóa An được lấy theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 của cổ phiếu DHA niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Đá Hóa An (ii)	Ấp Cầu Hang, Xã Hóa An, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, buôn bán vật tư kỹ thuật thiết bị xây dựng.

5.8 Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng dự trữ để dự phòng thay thế, sữa chữa các dây chuyền máy móc, thiết bị.	8.929.744.026	7.595.307.461
Tổng	**8.929.744.026**	**7.595.307.461**

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	23.640.003.889	23.640.003.889	28.821.017.074	28.821.017.074
Công ty CP Bao Bì & Khoáng Sản Số 1	7.224.174.153	7.224.174.153	8.628.340.723	8.628.340.723
Các nhà cung cấp khác	16.860.354.800	16.860.354.800	24.617.030.253	24.617.030.253
Tổng	**47.724.532.842**	**47.724.532.842**	**62.066.388.050**	**62.066.388.050**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***31.009.081.929***	***31.009.081.929***	***37.449.357.797***	***37.449.357.797***

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	**135.876.943**	**7.858.249.532**	**6.668.629.908**	**1.325.496.567**
Thuế GTGT	135.876.943	7.727.933.932	6.550.751.308	1.313.059.567
Thuế xuất, nhập khẩu	-	58.460.190	58.460.190	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.437.000	-	12.437.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	56.418.410	56.418.410	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	**65.946.976**	**394.673.662**	**948.027.838**	**619.301.152**
Thuế TNCN nộp thừa	5.842.387	362.298.722	356.456.335	-
Thuế TNDN nộp thừa	46.801.784	6.100.000	578.599.368	619.301.152
Các khoản khác phải thu Nhà nước	13.302.805	26.274.940	12.972.135	-

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Lãi vay phải trả Công ty Mua bán Nợ và Tài sản Tồn dọng của doanh nghiệp	3.646.211.508	5.900.573.024
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	220.630.985	277.659.640
Tổng	**3.866.842.493**	**6.178.232.664**

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Bảo hiểm xã hội	100.930.151	133.995.328
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP (i)	10.271.665.480	9.846.932.644
Bếp ăn công ty	199.153.046	209.498.858
Các khoản phải trả, phải nộp khác	548.852.724	545.040.284
Tổng	**11.120.601.401**	**10.735.467.114**
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***10.271.665.480***	***9.846.932.644***

(i) Trong đó, chủ yếu là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV-VITALY ngày 25/12/2006 với số tiền là 5.512.485.576 VND và khoản chênh lệch phải trả cổ phần hóa tại thời điểm bàn giao sau khi quyết toán thuế năm 2004 với số tiền là 4.722.757.195 VND.

5.13 Vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và Nợ dài hạn đến hạn trả	**43.232.449.526**	**43.232.449.526**	**79.325.468.525**	**87.437.835.823**	**51.344.816.824**	**51.344.816.824**
Vay ngắn hạn	**21.885.619.086**	**21.885.619.086**	**78.434.652.525**	**85.926.037.631**	**29.377.004.192**	**29.377.004.192**
Vay ngân hàng	21.885.619.086	21.885.619.086	78.434.652.525	85.926.037.631	29.377.004.192	29.377.004.192
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN CN Bình Dương [i]	*21.885.619.086*	*21.885.619.086*	*78.434.652.525*	*85.926.037.631*	*29.377.004.192*	*29.377.004.192*
Nợ dài hạn đến hạn trả	**21.346.830.440**	**21.346.830.440**	**890.816.000**	**1.511.798.192**	**21.967.812.632**	**21.967.812.632**
Nợ dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP [ii]	*20.579.214.440*	*20.579.214.440*	-	-	*20.579.214.440*	*20.579.214.440*
Nợ dài hạn đến hạn trả các tổ chức và các nhân khác	767.616.000	767.616.000	890.816.000	1.511.798.192	1.388.598.192	1.388.598.192
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [iii]	*767.616.000*	*767.616.000*	*890.816.000*	*1.511.798.192*	*1.388.598.192*	*1.388.598.192*
b) Vay dài hạn	**1.076.608.000**	**1.076.608.000**	**636.000.000**	**890.816.000**	**1.331.424.000**	**1.331.424.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [iii]	1.076.608.000	1.076.608.000	636.000.000	890.816.000	1.331.424.000	1.331.424.000
Tổng	**44.309.057.526**	**44.309.057.526**	**79.961.468.525**	**88.328.651.823**	**52.676.240.824**	**52.676.240.824**
Trong đó, Vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	*20.579.214.440*	*20.579.214.440*			*20.579.214.440*	*20.579.214.440*

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

[i] Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với các thông tin chi tiết như sau:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/93269/HĐTD ngày 03/01/2024 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương;

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên: Với số tiền tối đa là 30.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024;

Lãi suất: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2024: 21.885.619.086 VND.

[ii] Hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV- VITALY ngày 25/12/2006 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP với thời hạn vay là 5 năm và lãi suất là 0,2%/tháng. Phương thức đảm bảo khoản vay này bằng tín chấp.

[iii] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2022/93269/HĐTD ngày 31/8/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 2.782.080.000 VND;

+ Mục đích vay: Đầu tư mua mới Dây chuyền máy đóng bao;

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;

+ Lãi suất: 9,5%/ năm (áp dụng tới 01/3/2023), được điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;

+ Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2024: 767.616.000 VND;

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/93269/HĐTD ngày 30/8/2019 với các thông tin chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 11.232.182.192 VND;

+ Mục đích vay: Vay đầu tư Hệ thống trạm khí hoá than - Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 giữa Công ty CP Vitaly và Công ty CP Tập đoàn Vina Top;

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

+ Lãi suất 10,5%/ năm (áp dụng tới 01/3/2020), sau đó điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;

+ Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2024: 1.076.608.000 VND.

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(i) Các Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2014/93269/HĐBĐ ngày 27/10/2014 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Cuối năm 2024, Công ty đã thực hiện bán 02 tài sản bao gồm trong danh sách tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên (dây chuyền sản xuất gạch số 01 và số 02). Theo quy định tại điểm 4, điều 14: "Các quy định khác", trong trường hợp Công ty thực hiện bán tài sản thế chấp thì cần có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Theo đó, ngày 27/08/2024, Ngân hàng đã có công văn số 1621/BIDV.BD-KHDN1 về việc "Rút bớt tài sản tại Ngân hàng BIDV", chấp thuận cho Công ty rút bớt một số tài sản thế chấp liên quan tới hợp đồng thế chấp này.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/93269/HĐBĐ ngày 01/02/2016 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tàn sản thế chấp là lò than xích và máy mày cạnh.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/93269/HĐBĐ ngày 30/8/2017 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là 5 Máy in kỹ thuật số.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/93269/HĐBĐ ngày 23/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Volkswage theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081541 do Phòng CSGT- Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/93269/HĐBĐ ngày 24/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp bao gồm máy ép gạch hiệu HTL, model YP3609, năm sản xuất 2018; máy móc và thiết bị đồng bộ lò nung gạch năm sản xuất 2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/93269/HĐBĐ ngày 11/9/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là hệ thống trạm khí hóa than theo Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 với Công ty CP Tập đoàn Vina Top.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/93269/HĐBD ngày 03/02/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng của toàn bộ hệ thống lò than xích theo Hợp đồng mua bán số 22052020/HĐMB/VTL-NT ngày 22/05/2020 và phụ lục Hợp đồng mua bán số 22052020/PLHĐ/VTL-VNT ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Top.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/93269/HĐBD ngày 03/11/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Dây chuyền máy đóng bao theo Hợp đồng mua bán số TM01/VTL-VNT/12052022 ngày 18/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Top.

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	**80.000.000.000**	**10.000.000.000**	**782.200.000**	**(22.170.545.044)**	**68.611.654.956**
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(28.541.560.957)	(28.541.560.957)
Số dư tại 31/12/2024	**80.000.000.000**	**10.000.000.000**	**782.200.000**	**(50.712.106.001)**	**40.070.093.999**
Số dư tại 01/01/2024	**80.000.000.000**	**10.000.000.000**	**782.200.000**	**(50.712.106.001)**	**40.070.093.999**
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(34.415.421.791)	(34.415.421.791)
Số dư tại 31/12/2024	**80.000.000.000**	**10.000.000.000**	**782.200.000**	**(85.127.527.792)**	**5.654.672.208**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
Đối tượng	**Tỷ lệ sở hữu (%)**	**Số cổ phần**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**	**Tỷ lệ sở hữu (%)**	**Số cổ phần**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000
Các cổ đông khác	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000
Tổng	**100**	**8.000.000**	**80.000.000.000**	**100**	**8.000.000**	**80.000.000.000**

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**8.000.000**	**8.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**8.000.000**	**8.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**8.000.000**	**8.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	782.200.000	782.200.000
Tổng	**782.200.000**	**782.200.000**

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền USD	1.583,99	107.702,43
Tổng	**1.583,99**	**107.702,43**

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Trần Quốc Tiến (i)	2.934.347.458	2.934.347.458
Công ty TNHH Bắc Âu (i)	1.671.343.963	1.671.343.963
Công ty CP SX TMDV Gạch Mỹ (i)	833.015.278	833.015.278
Các đối tượng khác (i)	5.597.178.513	5.597.178.513
Tổng	**11.035.885.212**	**11.035.885.212**

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Nợ khó đòi lâu năm, không có khả năng thu hồi, đã trích dự phòng nợ khó đòi 100% trên 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	91.953.360.156	150.623.768.419
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	289.022.993	2.357.673.591
Tổng	**92.242.383.149**	**152.981.442.010**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	***37.137.037.099***	***106.106.104.014***

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	153.026.810	615.875.095
Tổng	**153.026.810**	**615.875.095**
Các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	***126.479.934***	***480.773.231***

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	91.800.333.346	150.007.893.324
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	289.022.993	2.357.673.591
Tổng	**92.089.356.339**	**152.365.566.915**

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	101.293.722.827	157.058.079.338
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	284.218.724	4.909.248.090
Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho	12.773.339.628	1.061.220.733
Tổng	**114.351.281.179**	**163.028.548.161**

6.5 Doanh thu tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	1.155.941	1.661.264
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	236.530.703	84.795.096
Tổng	**237.686.644**	**86.456.360**

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	2.535.603.287	3.217.666.023
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	740.652.028	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.228.935	5.602.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	135.200.109
Tổng	**3.287.484.250**	**3.358.468.922**

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng	**4.638.879.297**	**6.882.950.055**
Chi phí nhân viên bán hàng	2.468.001.920	3.155.401.390
Chi phí xuất khẩu gạch	642.841.511	951.837.247
Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	437.262.007	835.827.391
Chi phí vật liệu, bao bì	296.268.940	480.234.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.510.650	998.552.276
Chi phí bằng tiền khác	455.994.269	461.096.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**8.539.615.372**	**7.485.153.045**
Chi phí nhân viên quản lý	3.873.785.551	3.421.044.479
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.432.457	135.750.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.326.820	217.636.154
Thuế phí và lệ phí	169.383.240	183.843.154
Chi phí trợ cấp thôi việc	2.330.480.120	1.630.013.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.281.367.066	969.367.714
Chi phí bằng tiền khác	596.840.118	927.498.262
Tổng	**13.178.494.669**	**14.368.103.100**

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	9.694.500.000	-
Các khoản khác	1.848.441	2.403.728
Tổng	**9.696.348.441**	**2.403.728**
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp BHXH	17.625.305	3.178.509
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	6.081.656.258	-
Chi phí khác	-	237.689.268
Phạt chậm nộp thuế	94.770.922	-
Tổng	**6.194.052.485**	**240.867.777**
Lợi nhuận khác	**3.502.295.956**	**(238.464.049)**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.672.343.141	114.090.800.868
Chi phí nhân công	19.510.667.988	28.065.745.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.059.726.904	12.438.893.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.133.720.133	7.034.656.250
Chi phí khác bằng tiền	3.256.271.471	3.361.445.989
Tổng	**89.632.729.637**	**164.991.542.202**

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(34.987.921.159)**	**(28.541.560.957)**
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	***2.913.934.926***	***3.715.487.232***
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	*2.535.603.287*	*3.217.666.023*
Chi phí không được trừ	*378.223.926*	*489.294.595*
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của tiền, phải thu khách hàng	*107.713*	*8.526.614*
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(32.073.986.233)**	**(24.826.073.725)**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Giảm thuế TNDN phải nộp của các năm trước	**(572.499.368)**	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**(572.499.368)**	-

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.415.421.791)	(28.541.560.957)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(34.415.421.791)	(28.541.560.957)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(4.302)**	**(3.568)**

7. THÔNG TIN KHÁC

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch, số dư, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống
3	Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống
5	Công ty CP Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống
6	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống
7	Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn
8	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Cùng hệ thống
9	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị		**132.250.000**	**156.000.000**
Ông Cao Trường Thụ	Nguyên Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 12/3/2024)	7.500.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bầu thông qua 14/3/2024)	34.750.000	30.000.000
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11/4/2024)	12.500.000	30.000.000
Bà Đỗ Thị Hà Trang	Thành viên (Bầu thông qua từ 11/4/2024)	17.500.000	-
Ban Kiểm soát		**100.000.000**	**102.000.000**
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	30.000.000	30.000.000
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký (Từ nhiệm từ 01/8/2024)	14.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thư ký (Bầu thông qua từ 01/9/2024)	8.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc		**1.161.861.692**	**993.886.000**
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 07/6/2024)	287.483.000	636.785.000
Ông Trần Hoàng Thắm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 07/6/2024)	344.161.000	-
Ông Lưu Hữu Thùy	Nguyên Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 06/3/2024)	62.741.000	357.101.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 09/7/2024)	150.804.692	-
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06/3/2024)	316.672.000	-
Kế toán trưởng		**413.487.000**	**431.953.000**
Bà Phạm Thị Quế	Kế toán trưởng	413.487.000	431.953.000
Tổng		**1.807.598.692**	**1.683.839.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch bán			**37.137.037.099**	**106.106.104.014**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Bán hàng	37.137.037.099	104.237.353.186
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng	-	1.868.750.828
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống	Bán hàng	-	-
Giao dịch mua			**25.445.796.272**	**50.680.470.446**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Mua hàng	21.389.081.931	43.115.051.746
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Mua hàng	154.580.741	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	3.902.133.600	7.565.418.700
Giao dịch khác			**2.757.391.352**	**1.141.666.256**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	502.132.836	500.760.889
		Chi phí bán hàng - Xuất bồi thường gạch bể	-	220.280.808
		Chi phí bán hàng - Xuất hàng mẫu	-	386.903.892
		Chi phí quản lý phần mềm kế toán	-	32.382.667
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Thanh lý Pallet hư	-	441.000
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn	Lãi vay đã trả	2.254.361.516	-
Giảm trừ doanh thu			**126.479.934**	**480.773.231**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP		Giảm giá hàng bán	126.479.934	373.682.366
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1		Giảm giá hàng bán	-	691.047
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico		Giảm giá hàng bán	-	106.399.818

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		**31.009.081.929**	**37.449.357.797**
Công ty Cổ phần Gạch Đồng Nam Á	Cùng hệ thống	144.903.887	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty đầu tư	7.224.174.153	8.628.340.723
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	23.640.003.889	28.821.017.074
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		**285.403.112**	**6.581.306.265**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	285.403.112	6.581.306.265
Phải trả ngắn hạn khác		**10.271.665.480**	**9.846.932.644**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	10.271.665.480	9.846.932.644
Vay ngắn hạn		**20.579.214.440**	**20.579.214.440**
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	20.579.214.440	20.579.214.440

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Hợi	Phạm Thị Quế	Trần Hoàng Thẩm

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org